

PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH XANH THÚC ĐẨY KINH TẾ XANH: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

HOÀNG THỊ TRÀ HƯƠNG

Khoa Kế toán - Tài chính, Trường Đại học Điện lực
Faculty of Accounting and Finance, Electric Power University
Email: huonghtt@epu.edu.vn

Ngày nhận bài: 21/7/2026

Ngày sửa bài: 7/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 20/8/2026

Tóm tắt:

Trong bối cảnh yêu cầu phát triển bền vững ngày càng gia tăng, tài chính xanh đóng vai trò quan trọng trong huy động và phân bổ nguồn lực cho tăng trưởng xanh, chuyển đổi năng lượng và giảm phát thải. Tại Việt Nam, cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 cùng các chiến lược về tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn và chuyển dịch năng lượng đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với hệ thống tài chính trong cung ứng vốn và quản lý rủi ro phục vụ quá trình chuyển đổi. Nghiên cứu phân tích một số xu hướng phát triển tài chính xanh trên thế giới, tập trung vào kinh nghiệm của Trung Quốc, Singapore và Thái Lan; đồng thời đánh giá khung pháp lý, thực trạng phát triển và những hạn chế của tài chính xanh tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế, đa dạng hóa công cụ tài chính, tăng cường huy động nguồn lực tư nhân, phát triển hệ thống dữ liệu xanh và nâng cao năng lực của các chủ thể tham gia thị trường.

Từ khóa: tài chính xanh, kinh tế xanh, tài chính chuyển đổi, ESG, phát triển bền vững

Developing green finance to promote the green economy: International experience and recommendations

Abstract:

Amid climate change, resource depletion, and growing demands for sustainable development, green finance plays an important role in mobilizing and allocating resources for green growth, energy transition, and emissions reduction. In Vietnam, the commitment to achieving net-zero emissions by 2050, together with strategies for green growth, climate change response, the circular economy, and energy transition, places increasing demands on the financial system to provide capital and manage transition-related risks. This study analyzes international trends in green finance development, focusing on the experiences of China, Singapore, and Thailand. It also assesses Vietnam's legal framework, current progress, and limitations in green finance development. On this basis, the study proposes solutions to improve the institutional framework, diversify financial instruments, strengthen private capital mobilization, develop green data systems, and enhance the capacity of market participants.

Keywords: green finance, green economy, transition finance, ESG, sustainable development

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên và yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính đang thúc đẩy các quốc gia chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bền vững. Quá trình này đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn, ổn định và dài hạn cho phát triển năng lượng sạch, giao thông xanh, sản xuất sạch hơn, công trình xanh, kinh tế tuần hoàn và các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh đó, tài chính xanh ngày càng được xem là một trong những công cụ quan trọng để định hướng dòng vốn vào các hoạt động có lợi ích môi trường, đồng thời tích hợp các yếu tố môi trường và rủi ro khí hậu vào quá trình ra quyết định tài chính. Tài chính xanh không chỉ tạo thêm nguồn lực cho các dự án xanh mà còn có khả năng tác động đến hành vi đầu tư, thúc đẩy đổi mới công nghệ và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Các nghiên cứu gần đây cho thấy, tài chính xanh có mối quan hệ với tăng trưởng xanh, đổi mới công nghệ, chuyển dịch năng lượng và giảm phát thải. Tuy nhiên, hiệu quả của tài chính xanh phụ thuộc đáng kể vào chất lượng thể chế, hệ thống phân loại xanh, mức độ minh bạch thông tin, năng lực đánh giá rủi ro môi trường - xã hội và sự phát triển của thị trường vốn.

Đối với Việt Nam, cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 làm gia tăng yêu cầu huy động nguồn lực cho quá trình chuyển đổi xanh. Bên cạnh nhu cầu mở rộng tín dụng xanh, Việt Nam cần phát triển đồng bộ các công cụ tài chính khác như trái phiếu xanh, khoản vay liên kết bền vững, quỹ đầu tư xanh và tài chính chuyển đổi; đồng thời nâng cao khả năng kết nối giữa tài chính xanh với thị trường carbon và các nguồn vốn quốc tế.

Từ yêu cầu trên, nghiên cứu tập trung phân tích kinh nghiệm phát triển tài chính xanh của Trung Quốc, Singapore và Thái Lan; đánh giá khung chính sách và thực trạng phát triển tài chính xanh tại Việt Nam; từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn lực tài chính cho kinh tế xanh.

2. Cơ sở lý luận về tài chính xanh

2.1. Khái niệm và vai trò của tài chính xanh

Tài chính xanh được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Lindenberg (2014) cho rằng tài chính xanh bao gồm các hoạt động tài trợ cho đầu tư nhằm bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. OECD (2017) tiếp cận tài chính xanh gắn với việc hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp và phát triển bền vững. Trong khi đó, UNEP nhấn mạnh yêu cầu tích hợp các yếu tố môi trường và rủi ro khí hậu vào hoạt động của hệ thống tài chính.

Từ các cách tiếp cận trên, có thể hiểu tài chính xanh là tổng thể các chính sách, công cụ và hoạt động tài chính nhằm huy động và phân bổ nguồn vốn cho những dự án, hoạt động mang lại lợi ích môi trường, góp phần giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thúc đẩy phát triển bền vững.

Tài chính xanh tác động đến nền kinh tế thông qua một số kênh chủ yếu. Thứ nhất, định hướng dòng vốn vào các lĩnh vực có lợi ích môi trường, qua đó hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng xanh. Thứ hai, thúc đẩy đổi mới công nghệ thông qua cung cấp nguồn vốn cho nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải. Thứ ba, hỗ trợ chuyển dịch năng lượng, đặc biệt thông qua tài trợ cho năng lượng tái tạo, hạ tầng năng lượng và các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. Thứ tư, tăng cường quản trị rủi ro môi trường và khí hậu trong hoạt động tài chính. Khi các yếu tố môi trường, xã hội và khí hậu được đưa vào quá trình thẩm định, tổ chức tài chính có thể nhận diện tốt hơn các rủi ro dài hạn liên quan đến danh mục đầu tư. Thứ năm, tạo động

lực chuyển đổi đối với doanh nghiệp. Việc tiếp cận nguồn vốn xanh có thể gắn với các yêu cầu về hiệu quả môi trường, công bố thông tin và ESG, từ đó thúc đẩy doanh nghiệp cải thiện công nghệ và mô hình sản xuất.

Một số nghiên cứu thực nghiệm cũng chỉ ra mối quan hệ tích cực giữa tài chính xanh với tăng trưởng xanh và đổi mới công nghệ. Tufail và cộng sự (2024), nghiên cứu các nền kinh tế OECD trong giai đoạn 1990-2021, cho rằng tài chính xanh có thể hỗ trợ tăng trưởng xanh thông qua đầu tư vào công nghệ sạch và cơ sở hạ tầng xanh. Lei và cộng sự (2025) cho thấy, tài chính xanh góp phần giảm hạn chế tài chính và thúc đẩy đầu tư cho nghiên cứu, phát triển công nghệ xanh. Các kết quả này cho thấy, tài chính xanh có thể đóng vai trò như một cơ chế kết nối giữa mục tiêu môi trường và mục tiêu phát triển kinh tế.

2.2. Các công cụ tài chính xanh

Tài chính xanh được triển khai thông qua nhiều công cụ, trong đó phổ biến nhất là tín dụng xanh, trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh và các sản phẩm tài chính gắn với tiêu chí ESG. Tín dụng xanh là các khoản tín dụng dành cho dự án, phương án sản xuất - kinh doanh có lợi ích về môi trường như năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn, xử lý chất thải, nông nghiệp bền vững và kinh tế tuần hoàn. Trong những nền kinh tế có mức độ phụ thuộc lớn vào tín dụng ngân hàng, tín dụng xanh có vai trò đặc biệt quan trọng trong định hướng dòng vốn.

Trái phiếu xanh là công cụ huy động vốn trung và dài hạn cho các dự án đáp ứng tiêu chí môi trường. Công cụ này có ưu thế trong việc huy động nguồn vốn quy mô lớn từ các nhà đầu tư tổ chức và nguồn vốn quốc tế. Khoản vay liên kết bền vững và trái phiếu liên kết bền vững gắn điều kiện tài chính với mức độ thực hiện các mục tiêu bền vững hoặc chỉ tiêu ESG của doanh nghiệp. Đây là nhóm công cụ có khả năng hỗ trợ cả những doanh nghiệp chưa thể chuyển đổi ngay sang mô hình xanh hoàn toàn nhưng có lộ trình cải thiện rõ ràng.

Quỹ đầu tư xanh và quỹ đầu tư theo tiêu chí ESG giúp tập trung nguồn lực vào các doanh nghiệp, dự án có hiệu quả môi trường và khả năng tạo ra tác động xã hội tích cực. Sự đa dạng hóa công cụ tài chính có ý nghĩa quan trọng bởi nhu cầu vốn của nền kinh tế xanh rất khác nhau về quy mô, thời hạn, mức độ rủi ro và khả năng tạo dòng tiền. Do đó, một hệ thống tài chính xanh hiệu quả cần kết hợp nhiều công cụ thay vì phụ thuộc vào một kênh dẫn vốn duy nhất.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp tổng quan tài liệu, phân tích - so sánh kinh nghiệm quốc tế, đánh giá thực trạng Việt Nam và tổng hợp, suy luận chính sách. Phương pháp tổng quan tài liệu được sử dụng nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về tài chính xanh, kinh tế xanh và mối quan hệ giữa 2 lĩnh vực. Nguồn tài liệu bao gồm các nghiên cứu khoa học, báo cáo của các tổ chức quốc tế như WB, ADB, OECD, UNEP, các văn bản pháp luật, chiến lược và chính sách của Việt Nam, cùng các tài liệu liên quan đến phát triển tài chính xanh tại một số quốc gia châu Á.

Phương pháp phân tích - so sánh được sử dụng để nghiên cứu kinh nghiệm của Trung Quốc, Singapore và Thái Lan. 3 quốc gia được lựa chọn do có những bước phát triển đáng chú ý về hệ thống phân loại xanh, tín dụng xanh, trái phiếu xanh, ESG, tài chính chuyển đổi và thị trường carbon. Kinh nghiệm quốc tế được phân tích theo các nhóm tiêu chí gồm: khung thể chế; hệ thống phân loại xanh; công cụ huy động vốn; quản lý rủi ro môi trường - xã hội; công bố thông tin ESG; tài chính chuyển đổi và sự kết nối với thị trường carbon.

Phương pháp đánh giá thực trạng được sử dụng để xem xét quá trình hình thành và phát triển tài chính xanh tại Việt Nam, tập trung vào khung pháp lý, tín dụng xanh, trái phiếu xanh, thị trường vốn, dữ liệu

ESG và các công cụ hỗ trợ chuyển đổi xanh. Kết quả đánh giá được đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế nhằm xác định những kết quả đạt được, hạn chế và khoảng trống chính sách. Trên cơ sở kết quả tổng hợp và so sánh, nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp và suy luận chính sách để đề xuất các khuyến nghị phù hợp với điều kiện Việt Nam.

4. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển tài chính xanh

4.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Trung Quốc là một trong những quốc gia phát triển hệ thống tài chính xanh với vai trò định hướng đáng kể của Nhà nước. Năm 2016, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc cùng các cơ quan liên quan ban hành Hướng dẫn xây dựng hệ thống tài chính xanh, tạo nền tảng cho phát triển tín dụng xanh, trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh, bảo hiểm xanh và các công cụ tài chính phục vụ chuyển đổi carbon thấp. Một đặc điểm đáng chú ý trong mô hình của Trung Quốc là xây dựng đồng bộ hệ thống chính sách và tiêu chuẩn. Danh mục dự án trái phiếu xanh được ban hành và từng bước điều chỉnh nhằm thống nhất tiêu chí nhận diện dự án đủ điều kiện huy động vốn xanh.

Trung Quốc đồng thời tăng cường công bố thông tin môi trường và quản lý rủi ro môi trường trong hệ thống tài chính. Điều này giúp kết nối chính sách môi trường với hoạt động phân bổ vốn, đồng thời nâng cao khả năng đánh giá rủi ro dài hạn của các tổ chức tài chính. Đối với kinh tế tuần hoàn, Trung Quốc đưa mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên, tái chế và tái sử dụng chất thải vào các chiến lược phát triển. Nguồn vốn xanh được định hướng cho những lĩnh vực có khả năng giảm tiêu hao tài nguyên và phát thải.

4.2. Kinh nghiệm của Singapore

Singapore phát triển tài chính xanh theo hướng kết hợp cơ chế thị trường với vai trò kiến tạo của Nhà nước. Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS) đã triển khai nhiều sáng kiến nhằm phát triển tài chính bền vững, bao gồm tín dụng xanh, trái phiếu xanh, khoản vay liên kết bền vững và các công cụ tài chính hỗ trợ quá trình chuyển đổi.

Một điểm đáng chú ý là Singapore không giới hạn tài chính xanh ở những dự án đã đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn xanh mà chú trọng cả tài chính chuyển đổi. Cách tiếp cận này cho phép huy động vốn cho những ngành phát thải cao nhưng có khả năng cải thiện theo lộ trình cụ thể.

Các khoản vay liên kết bền vững gắn điều kiện tài chính với việc thực hiện các mục tiêu về giảm phát thải, hiệu quả năng lượng hoặc các chỉ tiêu ESG. Qua đó, trách nhiệm chuyển đổi được đặt trực tiếp lên doanh nghiệp và được phản ánh vào quan hệ tài chính. Singapore cũng tăng cường kết nối tài chính xanh với thị trường carbon và các công cụ định giá carbon, qua đó hình thành hệ sinh thái tài chính hỗ trợ mục tiêu phát thải ròng bằng “0”.

4.3. Kinh nghiệm của Thái Lan

Thái Lan xây dựng hệ sinh thái tài chính bền vững với sự phối hợp giữa ngân hàng trung ương, cơ quan quản lý chứng khoán và các cơ quan nhà nước. Một bước tiến quan trọng là việc xây dựng Thailand Taxonomy nhằm xác định các hoạt động xanh và hoạt động chuyển đổi phù hợp với lộ trình giảm phát thải. Trên nền tảng đó, các tổ chức tài chính phát triển tín dụng xanh, khoản vay liên kết bền vững và các sản phẩm tài chính phục vụ năng lượng tái tạo, giao thông phát thải thấp, nông nghiệp bền vững và quản lý chất thải.

Thái Lan cũng phát triển các loại trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội, trái phiếu bền vững và trái phiếu liên kết bền vững, đồng thời từng bước nâng cao yêu cầu công bố thông tin ESG. Bên cạnh đó, chương trình T-VER tạo nền tảng cho thị trường carbon tự nguyện và thúc đẩy phát triển hệ thống đo lường, báo cáo và thẩm tra phát thải.

5. Thực trạng phát triển tài chính xanh tại Việt Nam

5.1. Khung chính sách

Việt Nam đã từng bước hình thành khung chính sách cho tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và tài chính xanh. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các chính sách liên quan đến biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn, chuyển dịch năng lượng đã tạo định hướng chung cho việc huy động nguồn lực phục vụ chuyển đổi xanh. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 xác lập cơ sở pháp lý cho tín dụng xanh và trách nhiệm quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP tiếp tục cụ thể hóa một số nội dung liên quan đến tiêu chí môi trường và cơ chế khuyến khích nguồn vốn cho dự án xanh.

Việc ban hành Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg về tiêu chí môi trường và xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh là bước tiến quan trọng trong việc thống nhất cơ sở nhận diện dự án xanh. Danh mục này bao phủ nhiều lĩnh vực như năng lượng, giao thông, xây dựng, tài nguyên nước, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ môi trường. Bên cạnh đó, các quy định của Ngân hàng Nhà nước về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng góp phần nâng cao trách nhiệm của tổ chức tín dụng trong quá trình thẩm định dự án.

Nhìn chung, Việt Nam đã hình thành những trụ cột ban đầu của tài chính xanh, gồm định hướng tăng trưởng xanh, hệ thống tiêu chí dự án xanh và yêu cầu quản lý rủi ro môi trường. Tuy nhiên, để hình thành hệ sinh thái tài chính xanh hoàn chỉnh, các chính sách về dữ liệu ESG, tài chính chuyển đổi, công bố thông tin và cơ chế huy động vốn tư nhân cần tiếp tục được hoàn thiện.

5.2. Thực trạng triển khai

Tài chính xanh tại Việt Nam đang có xu hướng mở rộng, trước hết thông qua hệ thống ngân hàng. Các tổ chức tín dụng từng bước phát triển tín dụng cho năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, nông nghiệp xanh, công trình xanh, sản xuất sạch hơn, kinh tế tuần hoàn và các dự án bảo vệ môi trường. Theo số liệu được Ngân hàng Nhà nước công bố, 82 tổ chức tín dụng đã phát sinh dư nợ tín dụng xanh với tổng dư nợ 828 nghìn tỷ đồng; dư nợ được đánh giá rủi ro môi trường - xã hội đạt trên 5,1 triệu tỷ đồng (Anh Minh, 2026).). Những con số này cho thấy, yếu tố môi trường ngày càng được quan tâm trong hoạt động tín dụng và tài chính.

Tuy nhiên, tín dụng xanh mới là một bộ phận trong tổng thể nhu cầu vốn cho chuyển đổi xanh. Các dự án năng lượng, giao thông, hạ tầng và công nghiệp xanh thường đòi hỏi nguồn vốn lớn, thời gian thu hồi dài và có những rủi ro đặc thù. Vì vậy, việc phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn ngân hàng có thể hạn chế khả năng đáp ứng nhu cầu vốn trung và dài hạn.

Thị trường vốn, trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh và các sản phẩm tài chính liên kết với ESG cần được phát triển mạnh hơn. Đồng thời, việc hình thành và vận hành thị trường carbon tạo thêm cơ chế kinh tế để định giá phát thải và thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào các giải pháp giảm phát thải. Vấn đề đặt ra là phải tạo được sự liên kết giữa tài chính xanh - tài chính chuyển đổi - ESG - thị trường carbon, qua đó hình thành hệ sinh thái tài chính phục vụ toàn bộ quá trình chuyển đổi của nền kinh tế.

6. Một số hạn chế và khuyến nghị

6.1. Một số hạn chế còn tồn tại

Thứ nhất, hệ thống tiêu chí xanh và ESG vẫn cần tiếp tục hoàn thiện và đồng bộ. Sự thiếu thống nhất giữa các tiêu chuẩn có thể làm tăng chi phí thẩm định và giảm khả năng kết nối nguồn vốn.

Thứ hai, dữ liệu về phát thải, hiệu quả môi trường và ESG của doanh nghiệp còn hạn chế. Đây là một trong những nguyên nhân làm tăng chi phí đánh giá rủi ro và gây khó khăn cho tổ chức tài chính trong xác định mức độ xanh của dự án.

Thứ ba, cơ cấu công cụ tài chính còn chưa đa dạng. Tín dụng ngân hàng vẫn đóng vai trò chủ đạo, trong khi các công cụ như tài chính chuyển đổi, khoản vay liên kết bền vững, trái phiếu xanh và quỹ đầu tư xanh cần tiếp tục phát triển.

Thứ tư, năng lực thẩm định dự án xanh, quản trị rủi ro khí hậu và đánh giá ESG của các chủ thể chưa đồng đều. Đây là điểm nghẽn cần được xử lý đồng thời với hoàn thiện thể chế.

6.2. Một số khuyến nghị đề xuất

Một là, hoàn thiện khung thể chế và hệ thống phân loại xanh. Tiếp tục hoàn thiện tiêu chí xác định dự án xanh, dự án chuyển đổi và các hoạt động kinh tế tuần hoàn; đồng thời tăng tính tương thích giữa hệ thống phân loại trong nước với các chuẩn mực quốc tế. Việc này có ý nghĩa quan trọng trong thu hút nguồn vốn quốc tế và giảm chi phí xác minh đối với doanh nghiệp.

Hai là, phát triển tài chính chuyển đổi song song với tài chính xanh. Đối với những ngành có mức phát thải cao nhưng có khả năng giảm phát thải theo lộ trình, cần phát triển các sản phẩm tài chính chuyển đổi. Tiêu chí quan trọng là phải bảo đảm tính minh bạch của lộ trình chuyển đổi, tránh tình trạng doanh nghiệp sử dụng nhãn “chuyển đổi xanh” nhưng không tạo ra cải thiện thực chất về môi trường.

Ba là, đa dạng hóa nguồn vốn và công cụ tài chính. Bên cạnh tín dụng xanh, cần thúc đẩy thị trường trái phiếu xanh, trái phiếu bền vững, khoản vay liên kết bền vững, quỹ đầu tư xanh và các cơ chế tài chính hỗn hợp. Nhà nước có thể sử dụng nguồn lực công, vốn ưu đãi quốc tế và cơ chế chia sẻ rủi ro để tạo hiệu ứng thu hút vốn tư nhân.

Bốn là, xây dựng hệ thống dữ liệu xanh và ESG. Cần từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về phát thải khí nhà kính, tiêu thụ năng lượng, sử dụng tài nguyên và các chỉ số ESG của doanh nghiệp. Đồng thời, cần nâng cao chất lượng hệ thống đo lường, báo cáo và thẩm tra (MRV). Dữ liệu minh bạch sẽ giúp giảm bất cân xứng thông tin, nâng cao chất lượng thẩm định và tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn quốc tế.

Năm là, tăng cường kết nối tài chính xanh với thị trường carbon. Thị trường carbon tạo tín hiệu kinh tế đối với phát thải, trong khi tài chính xanh cung cấp nguồn lực cho doanh nghiệp thực hiện giảm phát thải. Vì vậy, cần từng bước hình thành cơ chế liên kết giữa hai thị trường, qua đó tạo động lực để doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng và các giải pháp giảm phát thải.

Sáu là, nâng cao năng lực của các chủ thể tham gia thị trường. Cần tăng cường đào tạo về ESG, quản trị rủi ro khí hậu, thẩm định dự án xanh, tài chính chuyển đổi và đo lường tác động môi trường cho cơ quan quản lý, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, nhà đầu tư và tổ chức đánh giá độc lập. Đây là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả của dòng vốn xanh.

7. Kết luận

Tài chính xanh đang trở thành một cấu phần quan trọng của quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng carbon thấp và phát triển bền vững. Kinh nghiệm của Trung Quốc, Singapore và Thái Lan cho thấy, sự phát triển của tài chính xanh không chỉ phụ thuộc vào việc mở rộng các sản phẩm tài chính mà đòi hỏi một hệ sinh thái đồng bộ, bao gồm khung pháp lý, hệ thống phân loại xanh, cơ chế công bố thông tin, quản trị rủi ro môi trường - xã hội, thị trường vốn, thị trường carbon và cơ sở dữ liệu.

Tại Việt Nam, những nền tảng ban đầu của tài chính xanh đã được hình thành, đặc biệt trong lĩnh vực

tín dụng ngân hàng. Tuy nhiên, nhu cầu vốn cho chuyển đổi xanh ngày càng lớn đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục mở rộng nguồn cung vốn và nâng cao hiệu quả phân bổ vốn. Trong đó, hoàn thiện taxonomy, phát triển tài chính chuyển đổi, đa dạng hóa công cụ tài chính, xây dựng hệ thống dữ liệu ESG và tăng cường liên kết với thị trường carbon là những ưu tiên quan trọng.

Về dài hạn, mục tiêu không chỉ là gia tăng quy mô “vốn xanh” mà quan trọng hơn là tạo lập một hệ thống tài chính có khả năng định hướng, đo lường và giám sát dòng vốn theo mục tiêu chuyển đổi xanh. Đây sẽ là nền tảng để tài chính xanh trở thành động lực thúc đẩy kinh tế xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hỗ trợ Việt Nam thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Anh Minh. (2026). Tín dụng xanh tăng tốc, hướng tới tăng trưởng bền vững. <https://baohinhphu.vn/tin-dung-xanh-tang-toc-huong-toi-tang-truong-ben-vung-102260609195721804.htm>

Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 687/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.

Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050.

Bank of Thailand & Thailand Taxonomy Board. (2023). Thailand Taxonomy Phase I.

Lindenberg, N. (2014). Definition of Green Finance. German Development Institute.

Monetary Authority of Singapore. (2020). Environmental Risk Management Guidelines.

Monetary Authority of Singapore. (2023). Finance for Net Zero Action Plan.

OECD. (2017). Green Finance and Investment: Mobilising Investment in Low-Carbon, Climate-Resilient Infrastructure.

OECD. (2022). OECD Guidance on Transition Finance: Ensuring Credibility of Corporate Climate Transition Plans. OECD Publishing, Paris.

OECD. (2023). Scaling Up Blended Finance for Climate and Sustainable Development.

People's Bank of China, Ministry of Finance, National Development and Reform Commission, Ministry of Environmental Protection, China Banking Regulatory Commission, China Securities Regulatory Commission, & China Insurance Regulatory Commission. (2016). Guidelines for establishing the green financial system.

People's Bank of China, National Development and Reform Commission & China Securities Regulatory Commission. (2021). Green Bond Endorsed Project Catalogue (2021 Edition).

Singapore Government. (2021), Singapore Green Plan 2030.

Thailand Greenhouse Gas Management Organization. (2024). Thailand Voluntary Emission Reduction Program (T-VER).

Thailand Taxonomy Board. (2024). Thailand Taxonomy Phase II.

United Nations Environment Programme Finance Initiative. (2023). Nature Positive Transition: Guidance for Financial Institutions.